

BÁO CÁO

**Tình hình kinh tế - xã hội tháng 11,
một số công tác trọng tâm tháng 12/2018
(Từ ngày 16/10/2018 đến ngày 15/11/2018)**

**I. HOẠT ĐỘNG CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA UBND, CHỦ TỊCH
UBND TỈNH THÁNG 11/2018**

1. Các cuộc họp, làm việc của UBND, Chủ tịch UBND tỉnh

Tháng 11/2018, ngoài chỉ đạo điều hành xử lý các công việc thường xuyên theo kế hoạch và chương trình công tác Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh đã chủ trì và tham dự cuộc 46 họp, hội nghị; 19 cuộc tiếp và làm việc với Bộ, ngành Trung ương, doanh nghiệp; 08 cuộc kiểm tra, khảo sát thực tế địa phương. Đồng thời, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo một số vấn đề quan trọng như:

Chỉ đạo phổ biến, triển khai thực hiện các nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định và chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ như: Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính; Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 sửa đổi bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai; Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 30/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực du lịch giai đoạn 2018 – 2020, định hướng đến năm 2025;...

Tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp như: Chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết Kỳ họp 9-HĐND tỉnh (khóa IX); triển khai thực hiện các giải pháp phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh mùa khô năm 2018 – 2019; tăng cường kiểm tra, xử lý hoạt động khai thác cát, sỏi trái phép, tăng cường triển khai thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh; ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 23/02/2018 của

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đẩy mạnh thanh toán qua ngân hàng đối với các dịch vụ công: thuế, điện, nước, học phí, viện phí và chi trả các chương trình an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Chỉ thị về việc tăng cường công tác quản lý, phát huy vai trò của báo chí trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Kế hoạch sơ kết 03 năm thực hiện phong trào thi đua "Trà Vinh cùng cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới" giai đoạn 2016 – 2018;...

2. Ban hành các văn bản của UBND, Chủ tịch UBND tỉnh

Trong tháng 11/2018, UBND tỉnh đã ban hành 03 kế hoạch; 252 Quyết định cá biệt và 863 văn bản hành chính khác; trong đó có một số văn bản quan trọng như:

Ban hành các văn bản: Quyết định số 2283/2018/QĐ-UBND ngày 15/11/2018 phê duyệt danh sách các chủ tàu cá được hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh (đợt 1/2018); Quyết định số 2307/2018/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 về giải quyết chế độ bảo hiểm y tế đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế theo Quyết định số 62/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 2344/2018/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 về cấp phát trang thiết bị phục vụ công tác ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; Quyết định số 2354/2018/QĐ-UBND ngày 27/11/2018 về việc bổ sung Cụm công nghiệp Tân Ngại, huyện Châu Thành vào quy hoạch phát triển Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025; Quyết định số 2328/2018/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định số 1380/QĐ-TTg ngày 18/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án thực hiện liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí” trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 2308/2018/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 về giải quyết chế độ bảo hiểm y tế đối với đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 và Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 2310/2018/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong hệ thống thống kê nhà nước giai đoạn 2017 - 2025 và tầm nhìn 2030 ...

Ngoài ra, Văn phòng UBND tỉnh đã ban hành 08 thông báo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch tại các cuộc họp, hội nghị với các sở, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG THÁNG 11/2018

1. Tài chính - ngân hàng

Thu ngân sách 1.221,1 tỷ đồng, nâng tổng số 11 tháng thu 9.583,8 tỷ đồng, vượt 5,3% dự toán, tăng 9,2% so với cùng kỳ, trong đó thu nội địa đạt 3.234,6 tỷ đồng (thu xổ số kiến thiết 945,5 tỷ đồng); 07 khoản thu cao hơn cùng kỳ, 03 khoản thu vượt dự toán⁽¹⁾. Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ, hợp lý các khoản

¹ Các khoản thu cao hơn cùng kỳ: Thu từ khu vực DNNN (tăng 27%); Thu từ khu vực có vốn ĐTNN (tăng 85.6%); thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (tăng 6,7); thu thuế TNCN (tăng 22,4%); các loại phí, lệ phí

chi, ước chi trong tháng 624,5 tỷ đồng, lũy kế 11 tháng chi 6.880 tỷ đồng, đạt 78,4% dự toán, tăng 16,5% so với cùng kỳ.

Hoạt động tín dụng - ngân hàng, thị trường vàng, ngoại hối trên địa bàn tỉnh phát triển tích cực; cơ cấu tín dụng tiếp tục chuyển dịch theo hướng tập trung dòng vốn vào sản xuất kinh doanh, các lĩnh vực ưu tiên và các dự án phục vụ tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp; tiếp tục triển khai có hiệu quả các chương trình tín dụng ngành, lĩnh vực trọng điểm⁽²⁾. Tổng nguồn vốn hoạt động của các TCTD trên địa bàn ước đến 31/12/2018 ước đạt 29.650 tỷ đồng, tăng 16,2% so cuối năm 2017 (nguồn vốn huy động tại chỗ chiếm 71,5%). Dự nợ cho vay đến 31/12/2018 ước đạt 23.980 tỷ đồng, tăng 16,3% so cuối năm 2017⁽³⁾, nợ xấu chiếm 1,2%/tổng dư nợ.

2. Về tình hình phát triển các ngành, lĩnh vực

2.1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Tình hình sản xuất nông nghiệp trong tháng tiếp tục có nhiều thuận lợi, các loại dịch bệnh nguy hiểm trên cây trồng, vật nuôi cơ bản được kiểm soát; một số chỉ tiêu của ngành đạt và vượt kế hoạch đề ra; sản lượng một số cây trồng, thủy sản đạt cao hơn cùng kỳ; đàn bò và gia cầm tăng nhanh; giá lúa, heo hơi, cá tra, cá lóc duy trì ở mức cao; giá dừa khô, thanh long đã tăng trở lại; các chính sách đầu tư trong nông nghiệp tiếp tục triển khai thực hiện; xây dựng nông thôn mới và các công tác chuyên môn, công tác khuyến nông⁽⁴⁾ được thực hiện đạt theo tiến độ. Tuy nhiên cũng còn một số khó khăn như triều cường tiếp tục sạt lở đoạn kè Hiệp Thạnh; nghêu nuôi bị thiệt hại nặng tại xã Long Hòa, huyện Châu Thành và xã Mỹ Long Nam huyện Cầu Ngang; giá heo hơi phục hồi nhưng biến động liên tục.

a) Sản xuất nông nghiệp:

* *Sản xuất lúa*: Xuống giống dứt điểm 79.722ha lúa thu đông, vượt kế hoạch 1.722ha, thấp hơn cùng kỳ 2.405ha, thu hoạch 6.167ha, năng suất trung bình 4,99 tấn/ha; vụ mùa đã xuống giống 1.697ha, vượt kế hoạch 47ha. Sâu bệnh xuất hiện rải rác với diện tích 1.192ha⁽⁵⁾. Đầu năm đến nay xuống giống 223.242ha, vượt 3% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 2.246 ha; thu hoạch 150.138 ha, đạt 67,25% diện tích xuống giống; năng suất trung bình 5,91 tấn/ha, cao hơn cùng kỳ 0,57 tấn/ha, sản lượng 887.214 tấn, cao hơn cùng kỳ 107.458 tấn.

(tăng 2,8%); các khoản thu về nhà, đất (tăng 65%); thu XSKT (tăng 20,4%). Các khoản thu vượt dự toán: thu từ khu vực có vốn ĐTNN (vượt 85,4%); các khoản thu về nhà, đất (vượt 72,6%); thu XSKT (vượt 11,2%).

² Dự nợ cho vay theo NĐ 55 đạt 12.092 tỷ đồng, chiếm 50,62%/tổng dư nợ, tăng 14,4% so với cuối năm 2017; cho vay xuất khẩu đạt 655 tỷ đồng, tăng 3,2% so với cuối năm 2017; cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa đạt 3.347 tỷ đồng, tăng 40,6% so với cuối năm 2017; Chương trình cho vay khuyến khích phát triển NN công nghệ cao, NN sạch 65 tỷ đồng; cho vay giảm tổn thất trong nông nghiệp theo QĐ 68 đạt 127 tỷ đồng; Tín dụng chính sách đạt 2.303 tỷ đồng...

³ Dự nợ ngắn hạn chiếm khoảng 52%/tổng dư nợ, dư nợ trung - dài hạn chiếm 48%/tổng dư nợ.

⁴ Tổ chức 84 lớp tập huấn cho 2.463 lượt nông dân về kỹ thuật trồng lúa, trồng rau an toàn, kỹ thuật nuôi tôm; tư vấn trực tiếp 1.302 lượt hộ về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và nuôi thủy sản. Nâng tổng số đến nay đã tổ chức 439 lớp tập huấn cho 12.627 lượt nông dân trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản; 26 cuộc hội thảo, tổng kết cho 1.318 lượt người dự; tư vấn trực tiếp cho 9.683 lượt hộ về lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản; tiếp tục theo dõi 13 mô hình thuộc nguồn vốn sự nghiệp, khuyến nông quốc gia và các dự án kết hợp.

⁵ Các đối tượng gây hại chủ yếu như bệnh đạo ôn lá, đạo ôn cổ bông, lem lép hạt, bạc lá, đốm vằn và chuột gây hại ở mức độ nhẹ.

* *Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác*: Gieo trồng 2.850ha, đầu năm đến nay gieo trồng 53.635 ha (cao hơn cùng kỳ 1.544 ha), đạt 96,8% kế hoạch, gồm: Màu lương thực 6.413 ha, màu thực phẩm 32.121 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 15.101 ha.

* *Chăn nuôi*: Giá heo hơi duy trì ở mức cao, tuy nhiên nguồn heo giống khan hiếm và giá cao, lượng heo tái đàn ít và tổng đàn thấp hơn cùng kỳ, trong tháng giá heo hơi cũng đã giảm 4.000 đồng/kg. Đàn bò tăng do giá cả ổn định; đàn gia cầm phát triển mạnh, chủ yếu là gà thả vườn do thị trường tiêu thụ tương đối ổn định và giá cao. Công tác tiêm phòng trên đàn gia cầm được quan tâm thực hiện, đến nay đã vượt 22% kế hoạch, tuy nhiên tỷ lệ tiêm LMLM trên đàn bò còn thấp (16,4%).

* *Thủy lợi nội đồng và phòng chống lụt bão*: Hoàn thành 484 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 298.992 m, khối lượng 993.160 m³, đạt 100% kế hoạch. Nghiệm thu đưa vào sử dụng các dự án khắc phục hạn mặn, kênh cấp II, xử lý sụt lún đê kè⁽⁶⁾. Chỉ đạo trực ban nghiêm túc, chủ động ứng phó Bão số 8, 9; đầu tháng 11, triều cường đã gây sạt lở khoảng 120m kè rọ đá xã Hiệp Thạnh, địa phương đã huy động nhân lực, vật lực để khắc phục.

* *Xây dựng nông thôn mới*:

Xây dựng nông thôn mới và các công tác phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn tiếp tục được quan tâm, chỉ đạo. Các hoạt động tuyên truyền được thực hiện thường xuyên, lồng ghép 247 cuộc tuyên truyền cho trên 8.394 lượt người⁽⁷⁾. Đến nay, toàn tỉnh có 30 xã đạt 19/19 tiêu chí, 09 xã đạt từ 15 – 18 tiêu chí, 25 xã đạt 10 – 14 tiêu chí, 21 xã dưới 10 tiêu chí; 70,6% số hộ và 35,7% ấp, khóm đạt chuẩn nông thôn mới. Ước đến cuối năm có 9 xã đạt 19/19 tiêu chí, nâng toàn tỉnh có 39 xã đạt chuẩn nông thôn mới, huyện Tiểu Cần đạt chuẩn huyện nông thôn mới và thị xã Duyên Hải hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

b) *Lâm nghiệp*:

Duy trì thực hiện tốt công tác tuần tra, kiểm soát, tuyên truyền bảo vệ rừng. Thực hiện 130 lượt tuần tra bảo vệ rừng và kiểm soát lâm sản, nâng tổng số đến nay tổ chức 973 lượt, phát hiện và xử lý 17 trường hợp vi phạm; cấp 29 giấy phép xuất bán động vật hoang dã; bàn giao 47.000 cây lâm nghiệp phân tán, trồng 35 ha rừng tập trung.

c) *Thủy sản*:

Nuôi trồng thủy sản tiếp tục phát triển; giá tôm thẻ, cá tra, cá lóc tăng cao tạo điều kiện cho người dân tái đầu tư, mở rộng diện tích thả nuôi. Trong tháng, thả nuôi trên 272,49 triệu con giống các loại trên diện tích 1.270,53 ha, nâng tổng số đến nay thả nuôi trên 07 tỷ con giống các loại, diện tích 39.238ha, đạt 75% kế hoạch, tăng 8,9% so với cùng kỳ. Tổng sản lượng thủy hải sản trong

⁶ Gồm: công trình nạo vét 06 kênh khắc phục hạn mặn năm 2017 của huyện Trà Cú, 03 công trình nạo kênh cấp II; công trình xử lý sụt lún, hư hỏng 60 vị trí mái kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải; xử lý sụt lún 04 vị trí phát sinh mái kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển xã Hiệp Thạnh

⁷ Nâng tổng số đến nay lồng ghép 2.629 cuộc tuyên truyền cho trên 77.006 lượt người.

tháng ước đạt 21.531 tấn, nâng tổng số đến nay 189.587 tấn (đạt 94,2% kế hoạch, tăng 8,4% so với cùng kỳ); trong đó sản lượng nuôi trồng đạt 113.321 tấn (đạt 89,3% kế hoạch, tăng 8,7% so với cùng kỳ), sản lượng một số con nuôi có giá trị kinh tế cao đã vượt kế hoạch năm như tôm thẻ vượt 16,4%, tôm sú vượt 3,4%, tôm càng xanh vượt 21,5%...; các chính sách của nhà nước hỗ trợ khai thác hải sản dần đi vào cuộc sống giúp ngư dân giảm bớt khó khăn và an tâm bám biển, tổng sản lượng khai thác 76.536 tấn, vượt 2,5% kế hoạch, tăng 7,9% so với cùng kỳ (tương đương 5.631 tấn).

Tình hình thiệt hại tôm nuôi còn xảy ra rải rác nhưng thấp hơn cùng kỳ, chủ yếu là do môi trường ao nuôi biến động, một số hộ thả nuôi con giống ngoại tỉnh chưa được kiểm dịch, chất lượng thấp. Từ đầu vụ nuôi đến nay đã làm thiệt hại 147 triệu con tôm sú giống (chiếm 8,8% lượng con giống thả nuôi) trên diện tích 668 ha (chiếm 2,8%); 795 triệu con tôm thẻ chân trắng (chiếm 16,5% lượng con giống thả nuôi) trên diện tích 1.307 ha (chiếm 16,9%).

2.2. Về sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất công nghiệp ước thực hiện tháng 11 giảm 1,05% so tháng trước, lũy kế 11 tháng tăng 13,4% so cùng kỳ. Quan tâm tìm hiểu và tháo gỡ khó khăn trong sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp lớn như Công ty giày da Mỹ Phong, Nhiệt điện Duyên Hải. Nhìn chung, tình hình sản xuất công nghiệp của tỉnh trong tháng 11 và 11 tháng đầu năm có bước phát triển, tăng nhiều ở nhóm ngành công nghiệp chế biến, các doanh nghiệp, cơ sở chế biến tăng công suất nhằm đạt kế hoạch năm và chuẩn bị cho thị trường tết Nguyên Đán 2019. Tuy nhiên do sự chi phối khá lớn của ngành sản xuất điện, cùng với một số khó khăn về thị trường tiêu thụ của Công ty giày da Mỹ Phong đã ảnh hưởng lớn giá trị sản xuất toàn ngành. Giá trị sản xuất công nghiệp trong tháng đạt 3.213 tỷ đồng, nâng 11 tháng đạt 27.255 tỷ đồng, đạt 86,3% kế hoạch, tăng 13,3% so cùng kỳ. Một số sản phẩm duy trì mức tăng trưởng khá như: than hoạt tính (+18,7%), thuốc viên các loại (+9,9%), bộ truyền dẫn điện dùng trong ô tô (+7,8%), điện sản xuất (+11,7%)... Các sản phẩm giảm như: giày thành phẩm giảm (-11,2%); bản kẽm CTP (-2,5%), đường kết (-4,8%)...

Phát triển điện⁽⁸⁾: Cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng điện của người dân và doanh nghiệp; trong tháng phát triển 0,63km đường dây trung thế, 16 trạm biến áp; lũy kế 11 tháng phát triển được 24,72km đường dây trung thế; 15,48km đường dây hạ thế và 283 trạm biến thế (dung lượng 32.847,5kVA). Phát triển được 2.685 hộ sử dụng điện, tỷ lệ hộ sử dụng điện đến nay đạt 98,86%.

2.3. Thương mại - dịch vụ

Trong tháng 11 tình hình giá cả một số mặt hàng thiết yếu trên địa bàn tỉnh khá ổn định, riêng các mặt hàng dầu, gas, thịt heo được điều chỉnh tăng; nguồn cung, mạng lưới phân phối hàng hóa của các cơ sở kinh doanh trên địa bàn luôn đáp ứng kịp thời, đầy đủ nhu cầu cho tiêu dùng và sản xuất của người dân trong tỉnh. Chất lượng các loại hình dịch vụ tài chính, bảo hiểm, vận tải,

⁸ Toàn tỉnh 2.601,43 km đường dây trung thế; 5.324 trạm biến thế (tổng dung lượng 410.827,5kVA) và 4.700,25km đường dây hạ thế;

dịch vụ du lịch... ngày càng được nâng lên. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 2.560 tỷ đồng, lũy kế 11 tháng đạt 23.047,5 tỷ đồng, đạt 90,7% kế hoạch, tăng 11% so cùng kỳ.

2.4. Công tác xúc tiến đầu tư, hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp, kinh tế hợp tác

Tiếp và làm việc với 09 đoàn nhà đầu tư⁽⁹⁾ đến tỉnh tìm hiểu môi trường đầu tư, qua đó đã tư vấn, giới thiệu các dự án kêu gọi đầu tư, các chính sách ưu đãi khi đầu tư vào địa bàn tỉnh, hướng dẫn 04 đoàn nhà đầu tư khảo sát thực tế địa điểm dự kiến đầu tư⁽¹⁰⁾. Tổ chức Tuần lễ Văn hóa, Du lịch – Liên hoan ẩm thực Nam bộ gắn với Lễ hội Ok Om Bok tỉnh Trà Vinh năm 2018 với nhiều nội dung phong phú, đa dạng⁽¹¹⁾; Hội nghị kết nối cung cầu hàng nông, thủy sản giữa Trà Vinh - TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh Tây Nam bộ năm 2018; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các hoạt động hội chợ thương mại, tìm kiếm thị trường, giới thiệu sản phẩm⁽¹²⁾. Quan tâm nâng cao năng lực cho các công chức, viên chức có liên quan đến hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa⁽¹³⁾.

Trong tháng thu hút 04 dự án đầu tư trong nước và 01 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn đăng ký 160 tỷ đồng và 02 triệu USD. Từ đầu năm đến nay thu hút đầu tư⁽¹⁴⁾ đạt kết quả khả quan, với 76 dự án⁽¹⁵⁾ được cấp giấy chứng nhận đầu tư (nhiều hơn cùng kỳ 24 dự án), tổng vốn đăng ký 2.338,59 tỷ đồng và 148,52 triệu USD; hiện có 27/76 dự án đi vào hoạt động; điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư cho 04 dự án; thu hồi 01 dự án.

Phát triển mới 22 doanh nghiệp, cấp đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh, vốn và các thay đổi khác cho 70 doanh nghiệp và đơn vị phụ thuộc; đầu năm đến nay phát triển 322 doanh nghiệp, đạt 64,4% kế hoạch năm, tổng vốn

⁹ (1) Công ty CP Thanh Tuyên Group, (2) Công ty CJ Energy Partners Limited, (3) DNTN Sáu Kiệt, (4) Công ty TNHH SXTM Định An Trà Vinh, (5) Tập đoàn FLC, (6) Liên Minh HTX Việt Nam, (7) Viện Nông nghiệp Hữu cơ, (8) Liên doanh Cty TNHH Tài Tâm và Công ty CP Đầu tư xây dựng và Phát triển Phương Bắc, (9) Công ty TNHH XNK TM Bunara.

¹⁰ (1) Viện Kinh tế nông nghiệp hữu cơ khảo sát tìm hiểu đầu tư nhà máy chế biến rau củ quả, điện gió, logistic (khu phi thuế quan), (2) Tập đoàn FLC đến tìm hiểu đầu tư khu đô thị, trung tâm thương mại và du lịch, (3) Nhà đầu tư Nguyễn Tấn Hiền khảo sát thực tế địa điểm để trồng cây sakê làm bột và rượu sake, (4) Công ty DCA khảo sát vị trí đất để xây dựng nhà máy sản xuất phân vi sinh từ lục bình.

¹¹ Tuần lễ bao gồm các hoạt động chính như: Khai mạc Tuần lễ Văn hóa, Du lịch - Liên hoan ẩm thực Nam Bộ; Hội chợ Xúc tiến Thương mại - Du lịch - Nông nghiệp; Hội thảo liên kết phát triển du lịch tiểu vùng phía Đông đồng bằng sông Cửu Long; Hội thảo Nông dân làm nông nghiệp thời đại 4.0; Triển lãm gian hàng của 09 huyện, thị xã, thành phố Trà Vinh trưng bày các sản phẩm đặc trưng của đồng bào dân tộc Khmer trong Khu Văn hóa - Du lịch Ao Bà Om; Lễ hội đua ghe ngo trên sông Long Bình, thi đấu bóng chuyền dân tộc và các trò chơi dân gian; Tổ chức cuộc thi và triển lãm ảnh đẹp về du lịch Trà Vinh; Ra mắt một số hạng mục Làng Văn hóa - Du lịch Khmer tỉnh Trà Vinh...

¹² Tổ chức đoàn doanh nghiệp trong tỉnh tham gia 02 chuyến kết nối thị trường tiêu thụ các sản phẩm nông sản, đặc sản tại Chợ đầu mối Dầu Giây tỉnh Đồng Nai, thành phố Hồ Chí Minh; Vận động các doanh nghiệp và tổ chức tham gia “Hội chợ Lễ hội sức khỏe và dinh dưỡng” do Hiệp hội hàng Việt Nam chất lượng cao tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh.

¹³ Tổ chức khóa “Đào tạo cho cán bộ địa phương” với 04 chuyên đề: (1) Tổng quan các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, (2) Xây dựng chân dung các bộ hỗ trợ doanh nghiệp, một số kỹ năng quản trị doanh nghiệp và phổ biến chính sách hội nhập CPTPP, WTO... (3) Quy trình tổ chức sự kiện xúc tiến và hỗ trợ doanh nghiệp và (4) Chiến lược và mô hình phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

¹⁴ Toàn tỉnh hiện có 283 dự án còn hiệu lực, trong đó có 39 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn đăng ký 3,25 tỷ USD (dự án nhiệt điện 2 chiếm 2,41 tỷ USD) và 244 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký 101.634 tỷ đồng.

¹⁵ Trong đó có 02 dự án nước ngoài: Dự án Nhà máy điện gió Hiệp Thạnh (vốn đăng ký 146,52 triệu USD) và Dự án Nhà máy sx chế biến các sản phẩm từ dừa của Ông Gong chuan Kun (vốn đăng ký 2 triệu USD).

đăng ký 1.134 tỷ đồng⁽¹⁶⁾, cấp đăng ký bổ sung cho 915 doanh nghiệp và đơn vị phụ thuộc, vốn bổ sung 320 tỷ đồng; chuyển đổi từ hộ kinh doanh lên doanh nghiệp còn rất ít với 38 trường hợp, chiếm 11,8% DN thành lập mới. Giải thể 05 doanh nghiệp, nâng 11 tháng đầu năm giải thể 52 doanh nghiệp, tạm ngừng hoạt động 37 doanh nghiệp.

Quan tâm công tác tuyên truyền⁽¹⁷⁾, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho HTX và cán bộ quản lý Nhà nước về HTX⁽¹⁸⁾, phát động các phong trào thi đua⁽¹⁹⁾. Quan tâm hỗ trợ, tìm kiếm, kết nối thị trường cho HTX⁽²⁰⁾; phát triển mới 02 HTX, nâng từ đầu năm đến nay thành lập mới 31 HTX, với 1.831 thành viên, vốn điều lệ 17,544 tỷ đồng⁽²¹⁾. Nhìn chung, số lượng HTX trên địa bàn tỉnh phát triển khá nhanh cho thấy các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển HTX dần đi vào cuộc sống, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, tuy nhiên số HTX phân bố chưa đều ở các địa phương, hiện còn 17 xã, phường, thị trấn chưa có HTX.

2.5. Đầu tư, xây dựng cơ bản

Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 03/8/2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công; Tập trung chỉ đạo quyết liệt, nắm bắt tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn, xử lý kịp thời những khó khăn, vướng mắc. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân⁽²²⁾, tổng nguồn vốn XDCB năm 2018

¹⁶ Đến nay có 2.177 doanh nghiệp (trong đó có 1.917 doanh nghiệp đang hoạt động, số còn lại trong tình trạng tạm ngừng, yêu cầu bảo cáo), 1.995 đơn vị phụ thuộc (397 chi nhánh, văn phòng đại diện & 1.598 địa điểm KD), vốn 25.557 tỷ đồng, 88.092 lao động (trong đó có 29 doanh nghiệp FDI).

¹⁷ Tính đến nay tổ chức 34 cuộc tuyên truyền về Luật HTX, mô hình HTX kiểu mới, các chính sách hỗ trợ HTX, vận động phát triển HTX... với 2.253 học viên dự.

¹⁸ Phối hợp với Dự án VCCI Cần Thơ tổ chức lớp tập huấn “Kỹ năng soạn thảo, thương lượng và ký kết hợp đồng kinh tế” cho các cán bộ quản lý HTX; Phối hợp với Liên đoàn HTX Cộng hòa Liên bang Đức (Dự án DGRV) tổ chức lớp “thực hành thao giảng về quản trị Hợp tác xã”.

¹⁹ Phát động 02 phong trào thi đua “Đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX” và “HTX tiên phong trong xóa đói giảm nghèo – xây dựng nông thôn mới” gắn với kỷ niệm 25 năm ngày thành lập Liên minh HTX Việt Nam (1993 - 2018).

²⁰ Tổ chức khảo sát thị trường rau màu nhằm hỗ trợ cho các HTX sản xuất rau màu liên kết với các HTX ở Thành phố Hồ Chí Minh tiêu thụ sản phẩm; Hỗ trợ đoàn cán bộ và các THT xã Song Lộc học tập kinh nghiệm mô hình HTX sản xuất rau, củ quả an toàn và mô hình HTX chuyên thu mua rau, củ quả trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; tổ chức buổi gặp gỡ với Công ty cổ phần đầu tư thương mại Quốc tế Âu Lạc, Công ty TNHH MTV Quang Phát (TP Cần Thơ) nhằm hỗ trợ cho các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh tiếp cận và liên kết được với các doanh nghiệp sản xuất theo hướng hữu cơ vì sinh và tiêu thụ sản phẩm lúa...

²¹ Toàn tỉnh hiện có 151 HTX với 27.111 thành viên, vốn điều lệ 157,678 tỷ đồng, HTX NN chiếm 62,9%.

²² - Một số chủ đầu tư thiếu chủ động trong công tác chuẩn bị đầu tư, việc tổ chức thẩm định dự án, thiết kế dự toán đối với một số dự án còn chậm; chưa chủ động phối hợp với nhà thầu thi công đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện dự án, đôn đốc nhà thầu nghiệm thu khối lượng và giải ngân vốn theo tiến độ hợp đồng. Hiện nay một số dự án do nhà thầu thi công vi phạm tiến độ thực hiện hợp đồng không có khả năng tiếp tục thực hiện, chủ đầu tư đã chấm dứt hợp đồng thi công, phải điều chỉnh lại dự toán gói thầu, tổ chức lựa chọn đơn vị thi công khác cũng ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân chung; một số dự án vướng giải phóng mặt bằng đến nay chưa triển khai.

- Năm 2018 có nhiều dự án khởi công mới, trong đó có nhiều dự án lớn phải tổ chức đấu thầu thiết kế (khoảng 03 tháng) nên kéo dài thời gian thực hiện.

- Quý I/2018, giá cát tăng trung bình từ 5% đến 10%, do đó các dự án chưa triển khai đấu thầu phải điều chỉnh lại dự toán gói thầu, nhiều dự án phải điều chỉnh tổng mức đầu tư.

- Vốn ODA: Đối với các dự án giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước, ưu tiên giải ngân kế hoạch vốn năm 2017 chuyển sang năm 2018, kế hoạch năm 2018 dự kiến không giải ngân hết kế hoạch vốn được giao đã đề xuất Trung trong chuyển sang dự án khác; đối với các dự án còn lại tiến độ thi công rất chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân chung.

- Ngoài những nguyên nhân nêu trên, trong năm 2018 một số dự án trọng điểm, bức xúc ưu tiên giao kế hoạch vốn tương đối lớn nhưng không có khả năng giải ngân hết vốn được giao như: Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà

đến 15/11/2018 chỉ giải ngân đạt 43,4% kế hoạch, (cùng kỳ đạt 54,7% kế hoạch), trong đó: Kế hoạch vốn giao chính thức năm 2018 giải ngân đạt 46,29%; Kế hoạch vốn năm 2017 kéo dài sang năm 2018 giải ngân đạt 33,95%; Vốn tồn quỹ năm 2017 chuyển sang năm 2018 giải ngân đạt 27,35%.

3. Giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ

3.1. Giáo dục và đào tạo

Triển khai thực hiện Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT về tài trợ cho các cơ sở giáo dục. Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 36 năm ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11) gắn với việc đẩy mạnh các hoạt động dạy và học; tổ chức tốt phong trào thi đua “*Dạy tốt - Học tốt*”, đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học. Tổ chức thi giáo viên dạy giỏi cấp THCS, THPT và giáo dục thường xuyên chu kỳ 2019 - 2022⁽²³⁾ và “*Văn hay chữ tốt*” cấp THCS⁽²⁴⁾; bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi dự thi quốc gia năm 2019. Công nhận 04 trường trung học đạt chuẩn quốc gia⁽²⁵⁾. Kiểm tra, công nhận phổ cập giáo dục mầm non, xóa mù chữ đơn vị thành phố Trà Vinh; công nhận công tác phổ cập giáo dục THCS, trung học ở các xã, phường thuộc thành phố Trà Vinh trong năm 2018.

3.2. Khoa học và công nghệ

Tuyển chọn và giao trực tiếp thực hiện 04 đề tài, dự án cấp tỉnh; nghiệm thu 03 đề tài, dự án⁽²⁶⁾; kết quả 11 tháng đã tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện 10 đề tài, dự án, vượt 42,85% KH; nghiệm thu 18 đề tài, dự án, vượt 50% KH. Triển khai Đề án đăng ký bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận “*Dừa Sáp Cầu Kè*”; hướng dẫn 01 cơ sở đăng ký bảo hộ trong nước đối với 02 sáng chế⁽²⁷⁾. Tổ chức 02 Hội nghị về mũ bảo hiểm, nhãn hàng hóa; 05 lớp đào tạo về áp dụng ISO 9001: 2015, thực hành 5S, Kaizen trong doanh nghiệp, truy xuất nguồn gốc sản phẩm và nhãn hàng hóa, xây dựng tiêu chuẩn cơ sở và áp dụng mã số mã vạch cho sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, doanh nghiệp. Thực hiện chuyên mục với chủ đề “*Ứng dụng vật liệu composite vào đời sống*”. Kiểm định phương tiện đo các loại đạt 74,57% KH. Triển khai 10 cuộc thanh tra tại 77 cơ sở sản xuất kinh doanh, số cơ sở vi phạm chiếm 20,77%, xử phạt với số tiền 93,9 triệu đồng.

4. Bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội và các lĩnh vực xã hội khác

4.1. Lao động, việc làm, đào tạo nghề

Vinh (quy mô 700 giường bệnh); dự án Kiên cố hoá trường lớp học mầm non, tiểu học trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; dự án Nạo vét hệ thống kênh trục và xây dựng công trình điều tiết trên kênh, tỉnh Trà Vinh; dự án Thoát nước và xử lý nước thải thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh; Sân vận động (mới) tỉnh Trà Vinh.

²³ có 687 giáo viên dự thi. Kết quả, Ban Tổ chức cuộc thi đã chấm và công nhận 640 sáng kiến của giáo viên.

²⁴ có 54 học sinh dự thi, đã trao 02 giải nhất 04 giải nhì, 04 giải ba và 20 giải khuyến khích.

²⁵ Trường THCS Đôn Xuân huyện Duyên Hải; Hùng Hòa, Long Thới huyện Tiểu Cần; Nhị Long Phú, A An Trường huyện Càng Long và PTĐTN Tỉnh Trà Cú huyện Trà Cú.

²⁶ 03 đề tài, dự án có khả năng ứng dụng vào thực tiễn như: phát triển mô hình nuôi chim yến ở tỉnh Trà Vinh; kỹ thuật canh tác giống lúa Nàng Quýt đỏ cung cấp cho nông dân trồng lúa mùa cho năng suất cao,...

²⁷ Công ty cổ phần Mỹ Lan với 02 sáng chế: Copolyme dùng cho chế phẩm phủ nhạy bức xạ hồng ngoại gắn để sử dụng cho khuôn in litô nhiệt dương bản và Hợp chất galotanic dùng cho chế phẩm phủ khuôn in litô và phương pháp điều chế.

Tổ chức 01 phiên giao dịch việc làm, giải quyết việc làm cho 426 lao động, đưa 06 lao động đi làm việc ở nước ngoài; nâng 11 tháng giải quyết việc làm cho 22.985 lao động, vượt 4,5% KH, đưa 318 lao động đi làm việc ở nước ngoài, vượt 59% KH. Trợ cấp thất nghiệp cho 526 lao động với số tiền 6,3 tỷ đồng. Cấp 09 Giấy phép lao động cho lao động là người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh. Sơ kết 05 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 29- CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về đẩy mạnh công tác an toàn, vệ sinh lao động trong thời kỳ CNH, HĐH và hội nhập quốc tế. Tổ chức đánh giá tác động của chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh.

4.2. Bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo

Tiếp nhận 07 đối tượng là người cao tuổi, đối tượng thân kinh tâm thần vào chăm sóc nuôi dưỡng tại Trung tâm Bảo trợ xã hội, đến nay chăm sóc, nuôi dưỡng 115 đối tượng⁽²⁸⁾. Các cơ sở bảo trợ xã hội và các Hội đặc thù được các mạnh thường quân, các nhà hảo tâm hỗ trợ xây dựng nhà đại đoàn kết, nhà tình nghĩa, cầu giao thông nông thôn, tặng quà và tiền mặt với số tiền gần 2 tỷ đồng.

Tổng hợp kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2018 trên địa bàn tỉnh, tỷ lệ giảm nghèo theo chuẩn tiếp cận đa chiều giảm 2,44%, trong đồng bào dân tộc Khmer giảm 4,49%; đánh giá giữa kỳ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020.

4.3. Thực hiện chính sách ưu đãi người có công

Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đối với người có công với cách mạng; trong tháng đã hỗ trợ đột xuất 03 trường hợp với số tiền 1,5 triệu đồng; giải quyết chế độ mai táng phí cho 27 đối tượng hoạt động cách mạng, tham gia kháng chiến theo Quyết định 290, 62, 49 của Thủ tướng Chính phủ và 06 hội viên Hội Cựu chiến binh bị tử trận; giải quyết chế độ thờ cúng liệt sĩ 50 trường hợp; 01 trường hợp hưởng tuất tử trần; 12 trường hợp hưởng ưu đãi giáo dục; 19 trường hợp hưởng chế độ dụng cụ chỉnh hình đến niên hạn; trợ cấp một lần cho 402 trường hợp được tặng thưởng Bằng khen kháng chiến. Bàn giao 13 căn nhà tình nghĩa cho người có công với cách mạng do Tổng Công ty Điện lực tài trợ. Tiếp tục thực hiện điều chỉnh trợ cấp, phụ cấp ưu đãi người có công với cách mạng theo Nghị định 99/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

4.4. Công tác dân tộc, tôn giáo, thực hiện bình đẳng giới và bảo vệ, chăm sóc trẻ em

Tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội trong vùng dân tộc ổn định; các Chương trình, dự án tiếp tục được triển khai; trong tháng, giải ngân 1,6 tỷ đồng cho 54 hộ theo Quyết định 2085/QĐ-TTg; cấp phát 27.482 tờ và cuốn tạp chí theo Quyết định 59/QĐ-TTg; thăm, viếng 11 người có uy tín và người thân theo Quyết định 12/QĐ-TTg; giải ngân 1,5 tỷ đồng cho 82 hộ phát triển sản xuất đa dạng hóa sinh kế theo Chương trình 135⁽²⁹⁾. Triển khai Luật Tín ngưỡng, tôn

²⁸ Trong đó có 49 người cao tuổi; 50 người thân kinh tâm thần đặc biệt nặng; 07 em mồ côi cha, mẹ; 09 em khuyết tật nặng.

²⁹ Nâng 11 tháng giải ngân 23,1 tỷ đồng (đạt 88,89%) cho 715 hộ, theo Quyết định 2085/QĐ-TTg; cấp phát 228.690 tờ và cuốn tạp chí theo Quyết định 59/QĐ-TTg; thăm hỏi và viếng 83 người có uy tín và người thân,

giáo cho 21 vị chức sắc và tín đồ; tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với việc trùng tu, sửa chữa, xây dựng mới công trình tôn giáo theo quy định của pháp luật và công tác đối với Pháp luân công.

- Phát động hưởng ứng tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới năm 2018. Tổ chức hội thi tuyên truyền pháp luật với chủ đề “*Công dân tỉnh Trà Vinh với Luật Bình đẳng giới, Luật phòng chống bạo lực gia đình*”⁽³⁰⁾; 07 lớp tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ giáo viên trung học cơ sở về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Triển khai công tác thu thập thông tin của người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp cơ sở. Thăm, tặng quà cho trẻ em nghèo người dân tộc nhân lễ hội Ok – Om - Bok năm 2018.

4.5. Chăm sóc sức khỏe nhân dân

Hoạt động phòng chống dịch bệnh được tăng cường, phát hiện và không chế dập dịch kịp thời. Số ổ dịch và số trường hợp mắc bệnh tay chân miệng, sốt xuất huyết được kéo giảm so với cùng kỳ⁽³¹⁾. Các bệnh cúm A (H1N1), thương hàn, sốt rét, uốn ván, viêm não Nhật Bản, ho gà tăng so với cùng kỳ năm 2017⁽³²⁾. Trong tháng, khám bệnh cho 179.541 lượt người, tăng 26,5% so với tháng trước. Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình được triển khai thông qua các cuộc họp mặt, các cuộc nói chuyện chuyên đề và đưa tin trên báo, đài⁽³³⁾. Công tác an toàn thực phẩm được đảm bảo, không xảy ra tình trạng ngộ độc thực phẩm trên địa bàn.

4.6. Văn hóa, thể thao và du lịch

Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, triển lãm nhân Tuần lễ Văn hóa Du lịch - Liên hoan âm thực Nam bộ gắn với Lễ hội Ok Om Bok tỉnh Trà Vinh năm 2018. Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá*” tiếp tục được triển khai; công nhận mới 01 xã văn hóa nông thôn mới⁽³⁴⁾, tái công nhận 38 ấp văn hóa; đến nay, toàn tỉnh hiện có 204.902/270.047 hộ đạt chuẩn gia đình văn hóa; 786/816 ấp - xóm văn hóa; 05 phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị; 30 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; 806/1.243 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa. Trong tháng có 41.408 lượt người đến Trà Vinh tham quan du lịch và lưu trú (tăng 2,5% so tháng trước)

với số tiền 66,2 triệu đồng theo Quyết định 12/QĐ-TTg; hoàn thành 100 công trình (74 công trình đầu tư cơ sở hạ tầng; 26 công trình duy tu, bảo dưỡng); giải ngân 9,9 tỷ đồng, đạt 100% vốn dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đa dạng hóa sinh kế theo Chương trình 135.

³⁰ Có 11 đội tham gia với 55 thí sinh, kết quả có 01 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba và 02 giải khuyến khích.

³¹ Sốt xuất huyết trong tháng xảy ra 20 ổ dịch với 168 ca mắc bệnh; nâng 11 tháng phát hiện 121 ổ dịch (giảm 48 ổ dịch so cùng kỳ), có 846 ca mắc bệnh (giảm 509 ca so cùng kỳ). Tay chân miệng trong tháng xảy ra 07 ổ dịch với 312 ca mắc bệnh; nâng 11 tháng phát hiện 08 ổ dịch (giảm 21 ổ dịch so cùng kỳ), có 612 ca mắc bệnh (giảm 1.419 ca so cùng kỳ).

³² Trong tháng, phát hiện 01 trường hợp uốn ván; nâng 11 tháng phát hiện 04 trường hợp Cúm A (H1N1) (tăng 04 trường hợp), 45 trường hợp thương hàn (tăng 27 trường hợp), 04 trường hợp sốt rét (tăng 02 trường hợp), 14 trường hợp uốn ván (tăng 07 trường hợp), 01 trường hợp viêm não Nhật Bản (tăng 01 trường hợp), 04 trường hợp ho gà (tăng 04 trường hợp).

³³ Tổ chức họp mặt tuyên dương học sinh gái có thành tích xuất sắc trong học tập và rèn luyện tại các trường PTTH và THCS trong tỉnh năm 2018. Tổ chức nói chuyện chuyên đề về Dân số - KHHGD, chuyên đề về sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh, chuyên đề về mất cân bằng giới tính khi sinh. Đưa tin các hoạt động truyền thông liên quan đến Mất cân bằng giới tính khi sinh nhằm hưởng ứng Ngày Quốc tế trẻ em gái 11/10.

³⁴ Xã Long Thới thuộc huyện Tiểu Cần.

(trong đó có 1.935 lượt khách quốc tế). Tổng doanh thu 19,5 tỷ đồng (tăng 5,7%); công suất phòng bình quân đạt 59% (tăng 2,5%).

5. Tài nguyên môi trường

Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của 04 huyện, thị xã⁽³⁵⁾. Tổ chức cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đạt 99,16% diện tích cần cấp giấy. Tiếp tục kiểm tra, hướng dẫn các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực tài nguyên nước lập Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trên địa bàn. Chỉ đạo các đơn vị khai thác khoáng sản lập bản đồ hiện trạng khu vực khai thác; thống kê, kiểm kê trữ lượng kèm theo báo cáo hoạt động khai thác khoáng sản năm 2018. Lĩnh vực khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu thường xuyên được cập nhật thông tin và theo dõi diễn biến. Lĩnh vực môi trường thường xuyên được tăng cường kiểm tra, giám sát, nhất là việc thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU và Kế hoạch số 01/KH-UBND.

6. Thông tin truyền thông

Tập trung tuyên truyền các nội dung về ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thanh toán trên lãnh thổ Việt Nam; thủ đoạn sử dụng mạng viễn thông, mạng xã hội để lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Kế hoạch số 632-KH/BCSĐCP ngày 26/9/2018 của Ban cán sự đảng Chính phủ vận động nhân dân giám sát thực hiện Nghị quyết lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “*Một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*”; Thông tư số 14/2018/TT-BTTTT ngày 15/10/2018 quy định quản lý chất lượng dịch vụ bưu chính; Quyết định số 41/2018/QĐ-UBND ngày 11/10/2018 của UBND tỉnh quy định về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet công cộng và dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh... Kiểm tra việc lắp đặt hỗ trợ đầu thu cho hộ nghèo, hộ cận nghèo huyện Cầu Ngang, Trà Cú và Cầu Kè.

7. Cải cách hành chính, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng

Triển khai Bộ tiêu chí theo dõi, đánh giá chỉ số cải cách hành chính; tổ chức bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức tham gia cung ứng dịch vụ hành chính công tại các xã thuộc diện nông thôn mới. Kiểm tra công vụ tại 16 cơ quan, đơn vị. Trung tâm Hành chính công tỉnh tiếp nhận 4.731 hồ sơ, tỷ lệ giải quyết đúng hạn đạt 99,9%.

Thanh tra hành chính, triển khai Đoàn thanh tra toàn diện quá trình thu hồi đất và bố trí tái định cư đối với công trình xây dựng Trung tâm Thể dục - Thể thao; việc quản lý sử dụng đất công và quá trình xây dựng nhà lồng chợ, dự án sân đường - hệ thống thoát nước chợ xã Trường Long Hòa. Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành 38 cuộc với 267 cá nhân, tổ chức; phát hiện 49 cá nhân vi phạm; xử phạt hành chính với số tiền 706,4 triệu đồng. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo: đã tiếp 285 lượt người đến khiếu nại, tố cáo, nhận 228 đơn; tỷ

³⁵ Cầu Ngang, Châu Thành, Cầu Kè và TX Duyên Hải

lệ giải quyết đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền đạt 67,3%, đơn phản ánh, kiến nghị đạt 96,2%, đơn tranh chấp đạt 21,3%⁽³⁶⁾.

8. Về quốc phòng, an ninh

Duy trì tốt công tác sẵn sàng chiến đấu, chủ động nắm tình hình, bảo vệ an toàn tuyệt đối sự kiện Tuần lễ Văn hóa, Du lịch – Liên hoan âm thực Nam bộ gắn với Lễ hội Ok Om Bok tỉnh Trà Vinh năm 2018; tiếp và làm việc với Quân khu thẩm định phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường kho vũ khí của tỉnh; tham mưu Ban Chỉ đạo diễn tập của tỉnh triển khai kế hoạch diễn tập thử theo Nghị định 30 và 130 của Chính phủ; tổ chức sơ tuyển sức khỏe nghĩa vụ quân sự năm 2019.

Về quản lý kinh tế: phối hợp với Cục C03 (Bộ Công an) khởi tố bổ sung 5 bị can (tạm giam 02, tại ngoại 03), trong vụ cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng và tham ô tài sản, xảy ra tại Công ty Lương thực Trà Vinh (đến nay đã khởi tố 11 bị can); kiểm tra, phát hiện 9 trường hợp vi phạm về quản lý kinh tế, thu giữ, tiêu hủy 1.900 gói thuốc lá ngoại, phạt tiền 03 trường hợp; kiểm tra, phát hiện 16 trường hợp vi phạm trong lĩnh vực khai thác cát, phạt 8 trường hợp.

Phạm pháp hình sự: xảy ra 14 vụ (so tháng trước tăng 02 vụ), làm bị thương 03 người, thiệt hại tài sản khoảng 140 triệu đồng, điều tra làm rõ 13/14 vụ, bắt xử lý 24 đối tượng, đã khởi tố 6 vụ, bắt tạm giam 10 bị can. *Tệ nạn xã hội:* phát hiện 28 vụ đánh bạc trái phép các hình thức (so tháng trước nhiều hơn 11 vụ), xử lý hành chính 150 đối tượng. Phát hiện, bắt quả tang 5 vụ, 9 đối tượng phạm tội về ma túy, thu giữ 14,27 gam ma túy tổng hợp (so tháng trước ít hơn 2 vụ), đã làm rõ, khởi tố 5 vụ, bắt tạm giam 5 bị can, xử lý vi phạm hành chính 04 đối tượng. Kiểm tra 170 cơ sở kinh doanh “Game bắn cá”, phát hiện 15 trường hợp vi phạm (so với tháng trước nhiều hơn 02 trường hợp), tạm giữ 03 máy game, 6 giấy phép kinh doanh.

Tai nạn giao thông đường bộ: xảy ra 12 vụ⁽³⁷⁾, làm chết 2 người, bị thương 16 người, thiệt hại tài sản khoảng 20 triệu đồng (so tháng trước tăng 4 vụ, giảm 3 người chết, tăng 12 người bị thương). Tuần tra, kiểm soát giao thông 1.758 cuộc, phát hiện 2.274 trường hợp vi phạm (đường thủy 201 trường hợp), phạt 2.080 trường hợp, số tiền 2,606 tỷ đồng, tạm giữ có thời hạn 1.282 phương tiện, 850 giấy tờ liên quan, tước quyền sử dụng giấy phép lái xe 313 giấy phép lái xe.

Kiểm tra an toàn công tác PCCC tại 208 cơ sở; mở 7 lớp tập huấn nghiệp vụ cho lực lượng PCCC cơ sở với 991 người tham gia; tổ chức tuyên truyền pháp luật về an toàn PCCC 23 cuộc, có 2.500 lượt người tham dự.

Nhìn chung, tình hình kinh tế - xã hội năm tiếp tục phát triển ổn định; sản lượng thủy hải sản tăng khá; diện tích nuôi thủy sản vượt kế hoạch và cao hơn cùng kỳ; công nghiệp chế biến phát triển khá; thu nội địa tăng khá, nhiều khoản thu tăng so với cùng kỳ và vượt dự toán năm; huy động vốn và cho vay của các

³⁶ Giải quyết 37/55 đơn khiếu nại (trong đó, thông qua giải thích, thuyết phục 29 vụ việc, đạt 78,4%); 25/26 đơn phản ánh, kiến nghị; 11/52 đơn giải quyết tranh chấp thuộc thẩm quyền.

³⁷ TX. Duyên Hải: 04, TP. Trà Vinh: 02, Duyên Hải: 02, Càng Long: 02, Cầu Kè: 01, Trà Cú: 01.

tổ chức tin dụng tiếp tục phát triển, nợ xấu duy trì ở mức thấp; xúc tiến đầu tư được tăng cường, đổi mới; thu hút đầu tư đạt kết quả khả quan; phát triển HTX đạt kết quả khá; công tác phòng, chống dịch bệnh được chủ động không để lây lan; tình hình sâu bệnh, dịch bệnh được kiểm soát; thương mại - dịch vụ phát triển khá; giáo dục - đào tạo tiếp tục được quan tâm; an sinh xã hội, giảm nghèo, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, thực hiện chính sách người có công, công tác dân tộc, tôn giáo, thực hiện bình đẳng giới và bảo vệ, chăm sóc trẻ em được quan tâm và giải quyết tốt; Việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU và kế hoạch số 01/KH-UBND có nhiều tác động tích cực đến đời sống nhân dân; các hoạt động văn hóa, thể thao được triển khai thực hiện với nhiều hình thức đa dạng, phong phú nhất là trong Tuần lễ Văn hóa, Du lịch - Liên hoan Âm thực Nam bộ gắn với Lễ hội Ok Om Bok; công tác quản lý tài nguyên, môi trường được chú trọng; công tác thông tin, truyền thông tiếp tục được triển khai kịp thời đến các tầng lớp Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp.

Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế: Giá heo hơi phục hồi nhưng chưa ổn định nên tình hình tái đàn còn chậm; sản xuất điện hoạt động chưa hết công suất đã ảnh hưởng lớn đến khả năng hoàn thành kế hoạch năm của ngành công nghiệp và tăng trưởng kinh tế của tỉnh; giải ngân vốn xây dựng cơ bản tuy có tập trung chỉ đạo quyết liệt, tỷ lệ giải ngân có nâng lên nhưng vẫn còn thấp; một số dự án thi công kéo dài gây ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất kinh doanh và đi lại của nhân dân, gây bức xúc trong xã hội; tỷ lệ nợ xấu có kéo giảm nhưng còn cao so với cùng kỳ; phát triển doanh nghiệp còn ít và khả năng không đạt kế hoạch; chuyển đổi hộ kinh doanh lên doanh nghiệp còn ít; các bệnh cúm A (H1N1), thương hàn, sốt rét, uốn ván, viêm não Nhật Bản, ho gà tăng so với cùng kỳ; một số cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm chưa chấp hành tốt các quy định về an toàn thực phẩm; phạm pháp hình sự, tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông còn cao.

III. MỘT SỐ CÔNG TÁC TRỌNG TÂM THÁNG 12/2018

1. Tổng kết, đánh giá kết quả triển khai Nghị quyết HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2018; hoàn chỉnh kế hoạch và xây dựng Nghị quyết HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2019, kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm 2019 - 2021; chuẩn bị chu đáo các nội dung, nhiệm vụ phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh cuối năm 2018 và giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2019.

2. Tập trung hướng dẫn nông dân vệ sinh đồng ruộng xuống giống lúa vụ Đông Xuân, nhất là trồng màu phục vụ Tết Nguyên đán; theo dõi tình hình thu hoạch các loại thủy sản, hướng dẫn nông dân chăm sóc diện tích thả nuôi còn lại của năm 2018; giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, thực hiện tốt công tác tiêm phòng, nhất là bệnh dại chó mèo, cúm gia cầm, tả lợn Châu Phi; quản lý chặt chẽ tình hình kinh doanh thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, thức ăn dùng trong nuôi trồng thủy sản; kiểm soát và quản lý chặt chẽ vật tư đầu vào, chất lượng con giống thủy sản; chủ động nguồn nước phục vụ sản

xuất; tập trung thực hiện tốt công tác tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân chủ động phòng, chống thiên tai.

Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn. Kiểm tra, rà soát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới của các xã dự kiến đạt chuẩn năm 2018.

3. Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo. Thực hiện tốt việc hỗ trợ, cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư đến tìm kiếm cơ hội đầu tư vào tỉnh; tích cực hỗ trợ và tạo mọi điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư sớm triển khai dự án. Tập trung thực hiện các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhất là các hoạt động hỗ trợ của dự án SME. Quan tâm hỗ trợ, hướng dẫn các HTX thụ hưởng các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển; tập trung xây dựng các HTX điểm. Trình HĐND tỉnh ban hành: Nghị quyết về chính sách tín dụng thực hiện Nghị định 57 của Chính phủ về khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

4. Quan tâm sâu sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, HTX; kịp thời hỗ trợ tháo gỡ khó khăn vướng mắc nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp, các thành phần kinh tế. Tăng cường công tác kiểm tra, chống hàng gian, hàng giả, hàng kém chất lượng. Tổ chức phiên chợ hàng Việt về nông thôn nhân dịp Tết Quân Dân tại huyện Châu Thành và huyện Tiểu Cần; Vận động doanh nghiệp tham gia Hội chợ thuộc Chương trình hành lang kinh tế Đông Tây Việt Nam - Campuchia tại tỉnh Đắk Nông; Tổ chức các chuyến kết nối thị trường tại Hà Nội và Lạng Sơn; Tiếp tục công tác tổ chức Hội chợ Công Nghiệp - Thương Mại và hàng tiêu dùng tỉnh Trà Vinh năm 2019 tại thành phố Trà Vinh, huyện Tiểu Cần và TX Duyên Hải.

5. Quản lý chặt chẽ các khoản thu, chi ngân sách; Kiểm soát chặt chẽ các hoạt động cho vay của các TCTD trên địa bàn; tiếp tục quan tâm xử lý nợ xấu. Tiếp tục chỉ đạo các TCTD mở rộng tín dụng, tập trung dòng vốn vào các lĩnh vực ưu tiên, sản xuất kinh doanh của người dân, doanh nghiệp nhất là thời điểm cuối năm.

Tập trung đẩy nhanh tiến độ triển khai và giải ngân kế hoạch vốn XDCB; rà soát, cắt giảm điều chuyển kế hoạch vốn năm 2018 đối với các dự án giải ngân chậm. Chủ động phối hợp với Bộ, ngành Trung ương hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2019.

6. Tổ chức sơ kết học kỳ I năm học 2018 - 2019. Kiểm tra công nhận phổ cập giáo dục, xóa mù chữ 2018 và kiểm tra công nhận các trường đạt chuẩn quốc gia. Tổ chức thi và chọn đội tuyển cấp tỉnh dự thi cấp quốc gia cuộc thi nghiên cứu khoa học cho học sinh trung học năm 2018.

7. Thực hiện tốt các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, nhân rộng các mô hình đạt hiệu quả kinh tế cao. Xây dựng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh năm 2019. Triển khai Phương án “*Khảo sát, đánh giá công nghệ của doanh nghiệp*

trên địa bàn tỉnh". Tổ chức kiểm tra đối với các tổ chức, cá nhân vận chuyển hàng hóa nguy hiểm.

8. Thực hiện tốt các chính sách đối với người có công, giảm nghèo, chính sách trợ giúp xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội đúng quy định và kịp thời. Tổ chức các phiên giao dịch việc làm; hỗ trợ vay vốn giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động. Tổ chức lớp huấn luyện hướng dẫn áp dụng hệ thống quản lý an toàn vệ sinh lao động tại các doanh nghiệp. Tổ chức phúc tra kết quả và tổng kết công tác rà soát hội nghèo, hộ cận nghèo năm 2018. Tổ chức 18 lớp tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo thuộc dự án nâng cao năng lực, giám sát đánh giá năm 2018.

9. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện và tổng kết các chương trình, chính sách, dự án trong vùng đồng bào dân tộc. Thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về tôn giáo trên địa bàn. Tổ chức thăm, chúc mừng nhân kỷ niệm 93 năm ngày khai đạo Cao Đài và lễ Thiên Chúa Giáng sinh năm 2018. Tổ chức hội thi vẽ tranh cổ động về giới, bình đẳng giới nhằm hưởng ứng tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới năm 2018; tham quan, học tập kinh nghiệm về công tác bình đẳng giới tại tỉnh Kiên Giang. Tiếp tục thông tin, tuyên truyền về Luật Trẻ em và công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em; chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố thu thập thông tin vào sổ theo dõi trẻ em trong gia đình và cập nhật vào phần mềm trẻ em trên trang điện tử.

10. Tăng cường công tác truyền thông giáo dục sức khỏe; giám sát, phòng chống dịch bệnh nhất là các bệnh truyền nhiễm có chiều hướng tăng số ca mắc, không để lây lan, bùng phát thành dịch. Thực hiện tốt công tác y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe sinh sản và phòng chống các bệnh xã hội. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và y đức. Kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm tại các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn.

11. Thực hiện có hiệu quả phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa". Tuyển chọn và đào tạo các vận động viên năng khiếu, các đội tuyển quốc gia để thi đấu có chất lượng các giải vô địch toàn quốc và quốc tế. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 70/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2018 - 2020.

12. Tiếp tục phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2020; theo dõi tình hình lập kế hoạch sử dụng đất năm 2019 cấp huyện. Triển khai thực hiện thống kê đất đai năm 2018 và kiểm kê đất đai năm 2019 trên địa bàn tỉnh. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cộng đồng về biến đổi khí hậu của tỉnh. Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 15 và Kế hoạch 01 nhất là thời điểm cuối năm, chuẩn bị đón Tết Nguyên đán. Thanh tra, kiểm tra các tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường.

13. Tập trung tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, các hoạt động chính trị của địa phương. Tổ chức đào tạo tập huấn công tác đảm bảo an toàn thông tin năm 2018. Giám sát doanh nghiệp

viễn thông thực hiện chuyên mạng giữ số. Triển khai thực hiện kế hoạch ứng dụng chữ ký số và lộ trình sử dụng văn bản điện tử trong điều hành, xử lý công việc. Triển khai kế hoạch thực hiện Đề án ứng dụng công nghệ thông tin – truyền thông trong Hệ thống thống kê nhà nước giai đoạn 2017 – 2025 và tầm nhìn 2030.

14. Tổ chức đánh giá, chấm điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần chỉ số cải cách hành chính của sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện năm 2018. Ban hành Kế hoạch kiểm tra công vụ năm 2019; Quy chế hoạt động của Trung tâm Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Triển khai thực hiện Kế hoạch tổ chức Hội thi “Chung tay cải cách hành chính” tỉnh Trà Vinh năm 2019. Tập trung giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo kịp thời, đúng quy định. Tiếp tục rà soát, giải quyết các vụ khiếu nại tồn đọng, phức tạp, kéo dài.

15. Tập trung đấu tranh, phòng chống các loại tội phạm công nghệ cao, lừa đảo chiếm đoạt tài sản qua mạng viễn thông, mạng xã hội. Tăng cường nắm chắc tình hình, tuần tra, kiểm soát đảm bảo an ninh chính trị trên địa bàn. Tăng cường các giải pháp đảm bảo trật tự an toàn giao thông. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, kiểm tra an toàn về phòng, chống cháy nổ./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KH&ĐT;
- Vụ IV - VPCP;
- Bộ Tư lệnh QK9;
- Thường trực BCĐ - TNB;
- TT.TU; TTHĐND tỉnh;
- Các Thành viên UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành tỉnh (3 hệ);
- HĐND, UBND các huyện, Tx, thành phố;
- BLĐ VP.UBND tỉnh
- Các phòng NC;
- Lưu VT, TH. 07

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Anh Dũng



Phụ lục 1. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU THÁNG 11 NĂM 2018

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2017	Năm 2018			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 11	ƯTH 11 tháng	Kế hoạch	Cùng kỳ
1	Tổng thu ngân sách	Tỷ đồng	8,777.091	9,100.223	1,221.132	9,583.847	105.31	109.19
	<i>Trong đó: Thu nội địa</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>2,711.059</i>	<i>3,447.000</i>	<i>429.423</i>	<i>3,234.632</i>	<i>93.84</i>	<i>119.31</i>
2	Tổng chi ngân sách	Tỷ đồng	5,904.820	8,814.223	624.454	6,880.187	78.06	116.52
3	Phát triển hộ sử dụng điện ⁽¹⁾	Hộ	4,180	3,515	12	2,685	76.39	64.23
4	Phát triển doanh nghiệp ⁽²⁾							
	- Thành lập mới							
	+ Số doanh nghiệp	DN	329	500	41	322	64.40	97.87
	+ Số chi nhánh, địa điểm kinh doanh		560		34	628		112.14
	+ Vốn đăng ký	Tỷ đồng	2,607		140.0	1134		43.51
	- Đăng ký bổ sung							
	+ Số doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc	DN	498		70	915		183.73
	+ Vốn bổ sung	Tỷ đồng	401		12	320		79.80
	- Giải thể, thu hồi	DN	206		5	149		72.33
	+ Giải thể	DN			5	52		
	+ Thu hồi	DN			-	97		

(1) Đến nay có 271.285 hộ sử dụng điện, đạt tỷ lệ 98,80% (Số hộ cấp nhật theo Quyết định số 2441/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2017 trên địa bàn tỉnh, với tổng số hộ dân toàn tỉnh là 274.425 hộ)

(2) Đến nay có 2.177 doanh nghiệp (trong đó có 1.917 doanh nghiệp đang hoạt động, số còn lại trong tình trạng tạm ngừng), 1.995 đơn vị phụ thuộc (397 chi nhánh, văn phòng đại diện & 1.598 địa điểm KD), vốn 25.557 tỷ đồng, 88.092 lao động (trong đó có 29 doanh nghiệp FDI)



Phụ lục số 2. SẢN XUẤT NÔNG - LÂM NGHIỆP - THỦY SẢN THÁNG 11 NĂM 2018

T T	Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2017	Năm 2018			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 11	Cộng dồn từ đầu vụ đến 15/11	Kế hoạch	Cùng kỳ
A	NÔNG NGHIỆP							
	Diện tích gieo trồng hàng năm	Ha	273,088	272,050	4,283	276,877	101.77	101.39
	* Cây lương thực có hạt							
	- Diện tích gieo trồng	ha	225,165	221,650	1,807	227,112	102.46	100.86
	- Diện tích thu hoạch	ha	149,729	221,650	6,607	153,871	69.42	102.77
	- Sản lượng	Tấn	800,054	1,180,000	33,199	907,935	76.94	113.48
1	Lúa cả năm							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	220,996	216,650	1,433	223,242	103.04	101.02
	- Diện tích thu hoạch	Ha	146,019	216,650	6,107	150,138	69.30	102.82
	- Năng suất	Tấn/ha	5.34	5.32	4.99	5.91	111.04	110.66
	- Sản lượng	Tấn	779,756	1,153,000	30,443	887,214	76.95	113.78
a	Lúa mùa							
	- Diện tích gieo sạ	ha	2,367	1,650		1,697	102.85	71.70
	- Diện tích thu hoạch	Ha	2,367	1,650		1,697	102.85	71.70
	- Năng suất	Tấn/ha	4.52	4.24		4.33	102.13	95.80
	- Sản lượng	tấn	10,705	7,000		7,353	105.04	68.69
b	Lúa Đông Xuân							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	59,915	60,000		66,418	110.70	110.85
	- Diện tích thu hoạch	Ha	59,915	60,000		66,418	110.70	110.85
	- Năng suất	Tấn/ha	5.90	6.05		6.71	110.91	113.79
	- Sản lượng	Tấn	353,295	363,000		445,658	122.77	126.14
c	Lúa Hè thu							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	77,037	77,000		75,856	98.51	98.47
	- Diện tích thu hoạch	Ha	77,037	77,000		75,856	98.51	98.47
	- Năng suất	Tấn/ha	5.01	5.10		5.32	104.21	106.15
	- Sản lượng	Tấn	386,009	393,000		403,455	102.66	104.52
d	Lúa Thu Đông							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	81,677	78,000	1,433	79,272	101.63	97.06
	- Diện tích thu hoạch	Ha	6,700	78,000	6,107	6,167	7.91	92.04
	- Năng suất	Tấn/ha	4.44	5.00	4.99	4.99	99.72	112.30
	- Sản lượng	Tấn	29,748	390,000	30,443	30,749	7.88	103.36
2	Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	52,091	55,400	2,850	53,635	96.81	102.96
	- Diện tích thu hoạch	Ha	45,445	55,400	5,524	48,159	86.93	105.97
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	27.06	25.57	44.56	23.90	93.47	88.32
	- Sản lượng	Tấn	1,229,850	1,416,600	246,168	1,151,014	81.25	93.59
a	Màu lương thực							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	6,699	7,750	542	6,413	82.75	95.73
	- Diện tích thu hoạch	Ha	6,032	7,750	906	6,103	78.75	101.18
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	8.61	7.87	9.33	8.71	110.63	101.12
	- Sản lượng	Tấn	51,944	61,000	8,456	53,147	87.13	102.32
	Trong đó:							

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2017	Năm 2018			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 11	Cộng dồn từ đầu vụ đến 15/11	Kế hoạch	Cùng kỳ
	<i>+ Bắp:</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	4,169	5,000	375	3,870	77.39	92.82
	- Diện tích thu hoạch	Ha	3,710	5,000	500	3,733	74.65	100.61
	- Sản lượng	Tấn	20,298	27,000	2,756	20,721	76.74	102.08
	<i>+ Khoai lang</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	1,238	1,200	42	1,206	100.54	97.45
	- Diện tích thu hoạch	Ha	1,193	1,200	260	1,196	99.64	100.22
	- Sản lượng	Tấn	20,623	19,000	4,526	20,746	109.19	100.59
	<i>+ Khoai mì</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	822	950	78	821	86.42	99.91
	- Diện tích thu hoạch	Ha	729	950	85	730	76.84	100.14
	- Sản lượng	Tấn	11,022	15,000	1,174	11,680	77.87	105.97
	<i>+ Cây có củ khác</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	471	600	47	516	86.02	109.57
	- Diện tích thu hoạch	Ha	400	600	61	445	74.17	111.25
b	Màu thực phẩm							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	27,786	30,750	1,598	32,121	104.46	115.60
	- Diện tích thu hoạch	Ha	23,699	30,750	1,032	27,680	90.02	116.80
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	23.29	22.29	21.72	20.85	93.55	89.51
	- Sản lượng	Tấn	551,986	685,300	22,413	577,064	84.21	104.54
	Trong đó:							
	<i>+ Rau màu các loại</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	27,192	30,000	1,575	31,584	105.28	116.15
	- Diện tích thu hoạch	Ha	23,150	30,000	1,025	27,175	90.58	117.39
	- Sản lượng	Tấn	550,970	684,000	22,403	576,110	84.23	104.56
	<i>+ Đậu các loại</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	594	750	22	537	71.60	90.35
	- Diện tích thu hoạch	Ha	549	750	7	505	67.33	91.99
	- Sản lượng	Tấn	1,016	1,300	10	954	73.42	93.97
c	Cây công nghiệp ngắn ngày							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	12,216	13,300	281	11,349	85.33	92.90
	- Diện tích thu hoạch	Ha	11,414	13,300	2,783	10,676	80.27	93.53
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	54.84	50.40	77.38	48.78	96.79	88.96
	- Sản lượng	Tấn	625,920	670,300	215,299	520,803	77.70	83.21
	Trong đó:							
	<i>+ Mía cây</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	5,457	5,600		4,515	80.63	82.75
	- Diện tích thu hoạch	Ha	5,393	5,600	1,952	4,483	80.05	83.12
	- Sản lượng	Tấn	585,187	616,000	210,560	478,286	77.64	81.73
	<i>+ Đậu phộng</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	4,376	5,200	79	4,390	84.43	100.34
	- Diện tích thu hoạch	Ha	4,222	5,200	650	4,374	84.11	103.60
	- Sản lượng	Tấn	21,293	26,800	3,322	22,260	83.06	104.54
	<i>+ Cây lác</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	2,384	2,500	202	2,444	97.74	102.50

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2017	Năm 2018			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 11	Cộng dồn từ đầu vụ đến 15/11	Kế hoạch	Cùng kỳ
	- Diện tích thu hoạch	Ha	1,800	2,500	180	1,820	72.80	101.11
	- Sản lượng	Tấn	19,440	27,500	1,417	20,257	73.66	104.20
d	Cây khác							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	5,389	3,600	430	3,752	104.22	69.62
	- Diện tích thu hoạch	Ha	4,300	3,600	803	3,700	102.78	86.05
B	LÂM NGHIỆP							
	- DT rừng trồng tập trung	Ha	20	300		75	25.00	375.00
	- Chăm sóc rừng	Ha	627	680		713	104.85	113.80
	- DT giao khoán bảo vệ	Ha	5164	5519		5,160	93.50	99.92
	- Số cây lâm nghiệp phân tán	1000 cây	1.68	50		78	156.00	4,642.86
	- Tỷ lệ che phủ rừng	%		4.10			-	
C	THỦY - HẢI SẢN:							
1	Tổng sản lượng	Tấn	175,199	201,600	21,531	189,857	94.18	108.37
	Trong đó : - Tôm các loại	"	51,147	58,200	6,981	64,085	110.11	125.30
	- Sản lượng Khai thác	Tấn	70,905	74,700	7,014	76,536	102.46	107.94
	+ Khai thác hải sản (mặn, lợ)	Tấn	60,399	63,100	6,283	65,896	104.43	109.10
	Trong đó: - Tôm các loại	"	6,847	8,100	1,187	8,205	101.30	119.84
	- Cá các loại	"	25,590	26,000	3,081	27,959	107.54	109.26
	- Hải sản khác	"	27,962	29,000	2,014	29,732	102.52	106.33
	+ Khai thác nội đồng (nước ngọt)	Tấn	10,506	11,600	731	10,640	91.72	101.28
	Trong đó: - Tôm các loại	"	3,135	3,500	254	3,113	88.94	99.30
	- Cá các loại	"	5,086	5,500	319	5,074	92.26	99.77
	- Thủy sản khác	"	2,285	2,600	157	2,453	94.34	107.35
	- Sản lượng Nuôi trồng thủy sản	Tấn	104,295	126,900	14,517	113,321	89.30	108.65
	Trong đó: + Vùng mặn lợ	"	48,899	55,600	6,122	59,954	107.83	122.61
	- Tôm sú	"	11,507	11,800	1,408	12,205	103.43	106.06
	- Tôm thẻ chân trắng	"	28,953	33,500	3,926	38,982	116.37	134.64
	- Cua biển	"	5,800	7,200	664	6,678	92.74	115.14
	- Thủy sản khác	"	2,639	3,100	124	2,089	67.40	79.18
	+ Vùng nước ngọt	"	55,396	71,300	8,395	53,367	74.85	96.34
	- Tôm càng xanh	"	704	1,300	206	1,580	121.53	224.31
	- Cá lóc	"	23,833	30,000	2,557	26,745	89.15	112.22
	- Cá tra, cá ba sa	"	16,909	23,500	2,807	9,563	40.69	56.55
	- Cá các loại	"	13,950	16,500	2,825	15,479	93.81	110.96
2	Diện tích nuôi trồng thủy sản	Ha	36,017	52,000	1,271	39,237	75.46	108.94
	- Diện tích nuôi mặn, lợ	Ha	32,962	48,500	920	35,313	72.81	107.13
	Trong đó: - Nuôi tôm sú	"	24,088	22,000	159	24,963	113.47	103.63
	- Tôm thẻ chân trắng	"	6,174	7,500	229	7,742	103.22	125.40
	- Nuôi cua biển	"	2,101	18,000	532	1,746	9.70	83.13
	- Thủy sản khác	"	600	1,000	-	862	86.20	143.67
	- Diện tích nuôi nước ngọt	Ha	3,055	3,500	352	3,925	112.13	128.48
	* Tình hình thiệt hại tôm sú							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	21,386		378	22,469		105.06
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	2,036		110	1,760		86.44

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2017	Năm 2018			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 11	Cộng dồn từ đầu vụ đến 15/11	Kế hoạch	Cùng kỳ
	- Diện tích thả nuôi	Ha	24,111		160	24,964		103.54
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	892		37	688		77.13
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	1,738		40	1,660		95.53
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	180		9	147		81.50
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	10.36		21.75	8.84		
	<i>* Tình hình thiệt hại tôm thẻ chân trắng</i>							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	14,539		588	18,910		130.06
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	3,325		166	3,782		113.74
	- Diện tích thả nuôi	Ha	6,238		229	7,742		124.11
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	1,229		39	1,307		106.38
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	3,491		168	4,820		138.06
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	698		36	795		113.88
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	19.99		21.72	16.49		



Phụ lục số 3. SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI THÁNG 11 NĂM 2018

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2017	Năm 2018			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 11	ƯTH 11 tháng	Kế hoạch	Cùng kỳ
A	GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP - TTCN (GIÁ 2010)	Tỷ đồng	24,064.572	31,600.000	3,213.460	27,255.369	86.25	113.26
	Sản phẩm chủ yếu:							
	Thủy sản đông lạnh	Tấn	8,727	10,150	779	8,611	84.84	98.67
	Đường kết	Tấn	26,752	31,500		25,477	80.88	95.23
	Than hoạt tính	Tấn	5,710	5,850	675	6,777	115.85	118.70
	Thuốc viên các loại	Tr.viên	720	980	82	791	80.76	109.97
	May mặc (Quần áo các loại)	1000chiếc	8,399	4,000	742	8,858	221.44	105.46
	Hóa chất các loại	Kg	53,800	65,000	3,500	54,198	83.38	100.74
	Bản kẽm CTP	1000m ²	2,038	2,500	155	1,986	79.44	97.46
	Bộ truyền dẫn điện dùng trong ô t	1000 bộ	4,822	6,200	554	5,198	83.83	107.79
	Sản xuất túi xách các loại	1000cái	2,791	3,250	278	2,775	85.37	99.43
	Giày thành phẩm	1000 đôi	32,356	41,000	2,322	28,722	70.05	88.77
	Sản lượng điện thương phẩm	Tr. Kwh	766	900	77	860	95.59	112.36
	Sản lượng điện sản xuất	Tr. Kwh	9,351	12,500	1,030	10,449	83.59	111.74
B	TỶ LỆ HỘ SỬ DỤNG ĐIỆN TRONG TỈNH	%	98.74	98.87		98.86		
C	TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ	Tỷ đồng	20,764.031	25,400.000	2,560.228	23,047.450	90.74	111.00
	Bán lẻ hàng hoá	Tỷ đồng	13,995.409	17,320.000	1,844.445	16,120.913	93.08	115.19
	Dịch vụ lưu trú, ăn uống	Tỷ đồng	3,628.520	4,450.000	342.971	3,267.759	73.43	90.06
	Du lịch lữ hành	Tỷ đồng	17.957	30.000	1.754	11.944	39.81	66.51
	Dịch vụ khác	Tỷ đồng	3,122.145	3,600.000	371.059	3,646.834	101.30	116.81